CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
Số/*No.* 259 /2026/CV-VFC

V/v: Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
Re: Notice on the maximum foreign ownership ratio in the Company

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 26/11 *năm 2026*
Hanoi, 26/11, *2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Thanh Trì, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108504
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.11.26 17:07:31+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi : - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** *The State Securities Commission*

- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/** *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Vinafco
Name of company		*Vinafco Joint Stock Corporation*
Mã chứng khoán	:	VFC
Stock symbol		
Trụ sở chính	:	Thôn Tự Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address of Head Office		*Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Viet Nam*
Điện thoại/*Tel*:	:	(84-4) 37684464
Fax	:	(84-4) 37684465

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Vinafco công bố thông tin Thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty và Công văn số 11715/UBCK-PCĐN ngày 26/11/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

Vinafco Joint Stock Company hereby discloses its Notice on the maximum foreign ownership ratio in the Company and Official Letter No. 11715/UBCK-PCĐN dated November 26, 2026, issued by the State Securities Commission, regarding the Company's notification dossier for its maximum foreign ownership ratio.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vinafco vào ngày 26./11/2026, tại địa chỉ: https://vinafco.com.vn/.

This information is disclosed on the website of Vinafco Joint Stock Corporation on 26./11/2026 at the address: https://vinafco.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is truthful and we take full responsibility before the law for the content of information disclosure.

Tài liệu gửi kèm: Công văn số 11715/UBCK-PCĐN ngày 26/11/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thông báo số 043/2026/TB-VFC ngày 13/11/2026.

***Attached Document**: Official Letter No. 11715/UBCK-PCĐN dated November 26, 2026, issued by the State Securities Commission and Notification No. 043/2026/TB-VFC dated November 13, 2026.*

Nơi nhận/ Recipients:
- *Như Kính gửi;*
  As addressed;
- *Lưu VP;*
  Archive at HO;

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO
Think Supply Chain!
MSDN: 0100105504 - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Thịnh

BỘ TÀI CHÍNH **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11715 /UBCK-PCĐN V/v hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Vinafco	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:

- Công ty cổ phần Vinafco;
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa số 043/2026/TB-VFC ngày 13/11/2026 của Công ty cổ phần Vinafco (Công ty) tại mức 0%, UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật.

2. UBCKNN đề nghị Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ SHNN trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Công ty, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị liên quan biết và thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch (để b/c);
- Ban GSĐC;
- Ban QLCB;
- HNX;
- Lưu: VT,PCĐN(09b).

TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ - ĐỐI NGOẠI

BỘ TÀI CHÍNH * ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Vũ Chí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 043/2026/TB-VFC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Chúng tôi là: Công ty Cổ phần Vinafco

Mã chứng khoán: VFC

Website: https://vinafco.com.vn/

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tự Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 37684464/37685775

Fax: (84-4) 37684465

Email: info@Vinafco.com.vn

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%

Lý do: Công ty thực hiện trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo khoản 2 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kinh doanh kho bãi, bãi container và thu gom hàng hóa; - Bảo quản các loại hàng hóa; - Bảo quản các loại hàng hóa, thực phẩm.	Không hạn chế	Không quy định	Không hạn chế	Không quy định
2	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu phân phối các hàng hóa theo quy định của pháp luật (CPC 622)	Không hạn chế	0%	0%	Không quy định
3	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Không hạn chế	Không hạn chế	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Chi tiết: Cho thuê văn phòng và các dịch vụ cho thuê văn phòng;				
4	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản;	51%	Không quy định	50%	Không quy định
5	2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến khoáng sản;	51%	Không quy định	50%	Không quy định
6	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Buôn bán máy, thiết bị bưu chính viễn thông (điện thoại, điện thoại di động, tổng đài);	Không quy định	0%	0%	Không quy định
7	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Không hạn chế	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Chi tiết: Lắp đặt, bảo hành máy, thiết bị bưu chính viễn thông (điện thoại, điện thoại di động, tổng đài);				
8	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán vật tư, máy móc, thiết bị hàng tiêu dùng;	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
9	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Buôn bán thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; - Kinh doanh cung ứng lương thực (ngô, sắn, thức ăn gia súc);	Không quy định	0%	0%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
10	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	0%	Không quy định	50%	Không quy định
11	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Kinh doanh vật liệu xây dựng; - Kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng: cát, xi perit, đá vôi, thạch cao, gỗ;	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
12	2410	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất sắt thép xây dựng	0%	Không quy định	50%	Không quy định
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Chế biến sắt thép xây dựng	0%	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
14	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Kinh doanh sắt thép xây dựng; - Kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng: Apatite, quặng các loại;	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
15	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ các mặt hàng phân bón, khí ammoniac hóa lỏng, klinke - Kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng: muối, than;	Không quy định	0%	0%	Không quy định
16	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	Không quy định	0%	0%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Chi tiết: - Nhận ủy thác nhập khẩu, làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa cho các cá nhân, tổ chức; - Kinh doanh nhập khẩu phương tiện thiết bị giao thông vận tải; - Nhận ủy thác đại lý giao nhận, nhận ủy thác vận tải hàng không;				
17	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa các thiết bị giao thông vận tải và tàu biển cho các hãng tàu;	50%	Không quy định	50%	Không quy định
18	5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh xếp dỡ các loại hàng hóa	50%	30%	50%	Không quy định
19	5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	49%	49%	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Chi tiết: - Dịch vụ vận tải quốc tế trong đó có vận tải hàng quá cảnh; - Vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;				
20	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải; - Vận tải hàng hóa bằng đường ô tô trong và ngoài nước;	49%	51%	50%	Không quy định
21	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sông trong và ngoài nước;	49%	49%	50%	Không quy định
22	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	49%	30%	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ; Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay; Dịch vụ kho bãi (CPC 742); Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748), bao gồm cả dịch vụ giao nhận hàng hóa; Các dịch vụ khác (bao gồm kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải).				
23	7710	Cho thuê xe có động cơ	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
24	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	Không hạn chế	Không quy định	50%	Không quy định
25	7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
26	5310	Bưu chính Chi tiết: Nhóm này gồm: Các hoạt động bưu chính theo các quy định phổ biến và thông nhất. Hoạt động bưu chính sử dụng cơ sở hạ tầng chung để thực hiện việc nhận, phân loại, đóng gói và chuyển thư, bưu thiếp, báo, tạp chí, ấn phẩm quảng cáo, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa hoặc tài liệu theo các tuyến và khu vực.	Không hạn chế	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ khác nhằm hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động này như: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện và bưu phẩm bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được quy định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng; - Nhận thư hoặc bưu phẩm, bưu kiện từ các hòm thư công cộng hoặc cơ sở bưu điện; - Phân phối và phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.				

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
27	8292	Dịch vụ đóng gói	49%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
28	5320	Chuyển phát Chi tiết: Nhóm này gồm: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng; - Phân phối và phát thư, bưu phẩm, bưu kiện. Nhóm này	Không hạn chế	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		cũng gồm: Dịch vụ giao hàng tận nhà. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)				
29	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	Không quy định	49%	50%	Không quy định
30	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	Không quy định	0%	0%	Không quy định
31	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác	49%	51%	50%	Không quy định
32	7020	Hoạt động tư vấn quản lý	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
33	7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường	51%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
34	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
35	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển.	51%	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là 0%						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108504 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 32 ngày 14 tháng 08 năm 2025;

- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 304296/21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2021

- Đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=4e36

(tìm Doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0100108504)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO
Think Supply Chain!
MSDN: 0100108504 - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Hưng